TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HS-ST
Ngày: 16- 9 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Hùng;

Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành D (tên gọi khác: Mặt heo), sinh năm 1997 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp 3, xã ĐHĐ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp không có; trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T và bà Phan Thị Yến N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 02/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 11/2018/HSST, chấp hành xong ngày 21/6/2018, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, (tên gọi khác: Lan) sinh năm 1992. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã ĐHĐ, huyện Đ, tỉnh Long An

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã ĐHĐ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã ĐHH, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 05/4/2019, bị cáo Nguyễn Thành D đi bộ đến nhà bà Nguyễn Thị Thúy Q thuộc ấp 2, xã ĐHĐ, huyện Đ và trèo qua hàng rào kẽm lưới B40 vào trong sân, sau đó vào nhà bà Q. D phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Opp F7, đặc điểm màu bạc, có ốp lưng để trên đầu tủ lạnh, D lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải rồi trèo qua hàng rào theo lối đã đột nhập để ra ngoài. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày bị cáo nhờ một thanh nhiên điều khiển xe mô tô đi đường không rõ họ tên địa chỉ chở đến cửa hàng cầm đồ hiệu Hoài Phú tại ấp B, xã ĐHH, huyện Đ do ông Nguyễn Tấn Lâm làm chủ gặp bà Nguyễn Thị M đang trông coi cửa hàng. Tại đây, D nói với bà M điện thoại di dộng hiệu OppF7 là của D do không có tiền tiêu xài nên cần bán. Bà M mua điện thoại với giá 2.000.000 đồng. Sau khi bán xong, D tiếp tục nhờ người thanh niên cho đi nhờ xe chở đến khu vực xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa mua ma túy để sử dụng hết 1.200.000 đồng, D cho người thanh niên 200.000 đồng còn 600.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua điện thoại từ D, bà M đã bán lại cho khách hàng không biết họ tên, địa chỉ với giá 2.400.000 đồng. Khi phát hiện bị mất điện thoại bà Q đã trình báo, tố cáo đến cơ quan công an. Cơ quan điều tra mời D làm việc, D đã thừa nhận hành vi của mình.

Vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu bạc, số loại Opp F7 của bà Nguyễn Thị Thúy Q đã bán, không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL.ĐGTS ngày 15/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Hòa kết luận điện thoại di động mà bị cáo đã lấy có giá trị thành tiền là 3.843.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Q đã nhận bồi thường số tiền 5.000.000 đồng do cha bị cáo là ông Nguyễn Hữu T bồi thường thay. Bà Q không có yêu cầu hay ý kiến gì về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị Thúy Q trình bày: Ngày 05/4/2019 bà bị mất 01chiếc điện thoại hiệu Opp F7, màu bạc tại nhà ở ấp 2, xã ĐHĐ. Sau khi xác định được người lấy điện thoại là bị cáo D thì cha bị cáo là ông Nguyễn Hữu T đã bồi thường cho bà số tiền 5.000.000 đồng, nay bà không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, bà Q không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử

giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hữu T trình bày: Bị cáo D là con của ông T, sau khi xác định được D lấy điện thoại của bà Q thì ông đã bồi thường cho bà Q số tiền 5.000.000 đồng. Đây là tiền của ông tự nguyện bồi thường thay bị cáo D với mong muốn giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nay ông không yêu cầu D trả lại cho ông số tiền trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có văn bản xin xét xử vắng mặt, tại cơ quan điều tra trình bày: Vào khoảng 18 giờ ngày 05/4/2019 khi đang làm việc tại tiệm điện thoại di dộng hiệu Hoài Phú thuộc ấp B, xã ĐHH thì có 01 thanh niên sau này bà M xác định là bị cáo D đến bán cho bà 01 điện thoại di dộng hiệu Opp F7, màu bạc với giá 2.000.000 đồng. Khi bán điện thoại thì bị cáo nói đây là điện thoại của bị cáo. Sau khi mua điện thoại, bà M đã bán lại cho khách hàng khác không biết họ tên, đia chỉ với giá 2.400.000 đồng. Bà M không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại cáo trạng số 96/CT-VKSĐH ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Thành D về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích các yếu tố cấu thành tội D như cáo trạng đã truy tố, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm của bị cáo D, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể:

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, ông T là cha bị cáo tự nguyện bồi thường thay bị cáo về trách nhiệm dân sự nên bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ; Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm. Do đó, áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo D từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Quyên đã nhận số tiền bồi thường 5.000.000 đồng và không có ý kiến hay yêu cầu nên không đề nghị xem xét;

- Về hành vi của bà M mua điện thoại của bị cáo D nhưng không biết tài sản do trộm được mà có nên không đủ căn cứ truy tố; Hành vi của người thanh niên chở bị cáo đến bán điện thoại, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp; Hành vi của bị cáo D khai mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, kết quả điều tra không thu giữ được chất ma túy, không xác định được người bán ma túy cho bị cáo nên không đủ căn cứ để khởi tố, tuy tố vụ án là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đức Hòa, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Từ đó có cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về tội D:

Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã tuy tố, lời khai trên phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 05/4/2019, bị cáo D đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Opp F7, màu bạc có giá trị thành tiền 3.483.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thúy Q tại nhà bà Q thuộc ấp 2, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa. Sau đó bị cáo mang điện thoại đến bán tại cửa hàng cầm đồ hiệu Hoài Phú với giá 2.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Hành vi trên được bị cáo D thừa nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa.

Bị cáo Nguyễn Thành D là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt điện thoại của bà Q là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản cụ thể là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Opp F7, màu bạc của bà Q có giá trị 3.483.000 đồng. Không những vậy, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thành D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo D thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cha của bị cáo D là ông Nguyễn Hữu T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo nên bị cáo được xem xét giảm nhẹ một phần trách

nhiệm hình sự theo Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo D có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu bạc, số loại Opp F7 đã bị bán, cơ quan điều tra không thu hồi xử lý được.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Q đã được bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu hay ý kiến về việc bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T (cha bị cáo D) đã tự nguyện bồi thường cho bà Q số tiền 5.000.000 đồng thay cho bị cáo. Ông T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị M mua điện thoại di động nhãn hiệu Opp, màu bạc, số loại Opp F7 mà bị cáo lấy trộm được của bà Q. Căn cứ lời khai của bị cáo, của bà M và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét về ý thức chủ quan thì bà M không biết đây là tài sản do bị cáo D lấy trộm được nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa không khởi tố, truy tố đối với hành vi của bà M là phù hợp.

[7] Về lời khai của bị cáo D khai sử dụng số tiền bán điện thoại để mua ma túy sử dụng là 1.200.000 đồng. Kết quả điều tra không thu giữ được chất ma túy, không xác định được người bán ma túy cho bị cáo D. Ngoài lời khai của bị cáo D thì không thu thập được tài liệu, chứng cứ khác. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định không đủ căn cứ để xử lý là phù hợp.

[8] Về lời khai của bị cáo D nhờ người thanh niên đi đường chở bị cáo đi bán điện thoại và đi mua ma túy nhưng D không biết họ tên, địa chỉ của người này ở đâu. Cơ quan điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch của người này nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136, Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 18/7/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thành D 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2019) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thành D, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Tuyết Nhung